

Số: 36/2026/QĐST- KDTM

GL, ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 38/2026/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương Mại Cổ phần N;**

Trụ sở: Số A T, phường H, TP .;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Bích L – Trưởng Phòng G - Ngân hàng TMCP N, chi nhánh Q;

Trụ sở chi nhánh: Số D L, P. Q, tỉnh Gia Lai

(theo Giấy uỷ quyền lại số 186/UQ-VCB-QNH-XLN ngày 19/3/2026).

* *Bị đơn:* Bà **Trần Lệ T1**, sinh ngày: 12/01/1963; Số CCCD: 001163039299; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; ngày cấp 28/6/2021; Nơi cư trú: Số A D, phường Q, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trần Lệ T1 thống nhất tính đến hết ngày 23/4/2026 còn nợ Ngân hàng TMCP N theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số APPL00284817.HDCTD.KHCN ngày 26/09/2024 với tổng số tiền là 5.115.180.821 đồng (trong đó: nợ gốc là 4.950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 121.241.095 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.939.726 đồng).

2.2. Bà Trần Lệ T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 5.115.180.821 đồng và toàn bộ các khoản tiền lãi, lãi phạt quá hạn phát sinh từ ngày 24/4/2026 (theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số APPL00284817.HDCTD.KHCN ngày 26/09/2024), trả một lần vào ngày 30/6/2026.

Kể từ ngày 24/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Lệ T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay theo hạn mức số APPL00284817.HDCTD.KHCN ngày 26/09/2024.

2.3. Trường hợp bà Trần Lệ T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số APPL00284817.HDCTD.KHCN ngày 26/09/2024 thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của bà Trần Lệ T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS03021 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B cấp ngày 23/07/2019, cấp cho bà Trần Lệ T1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số: APPL00284817/2024/HĐTC ngày 26/09/2024).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn của Ngân hàng TMCP N. Trường hợp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số tiền nợ thì bà Trần Lệ T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi hết nợ.

2.4. Trường hợp bà Trần Lệ T1 trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP N có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ giấy tờ bản gốc có liên quan đến tài sản đã nhận thế chấp nói trên cho bà Trần Lệ T1.

2.5. Về chi phí tố tụng: Các bên thỏa thuận, bà Trần Lệ T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng TMCP N tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

2.6. Về án phí KDTM sơ thẩm: Các bên thỏa thuận, bà Trần Lệ T1 tự nguyện chịu 56.557.000 đồng.

Ngân hàng TMCP N được hoàn lại số tiền 56.531.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003234 ngày 07/4/2026 của Thi hành dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 1 – Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 1, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ